BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Biểu mẫu 21

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2017-2018

TT	Nội dung	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ % sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường
					Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	
I	**ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**								
a	***Chương trình đại trà***								
1	Bảo vệ thực vật	2012/2016	79	65	10	34	21	0	95,38%
2	Bệnh học thủy sản	2012/2016	58	48	0	15	33	0	100,00%
3	Chăn nuôi	2012/2016	82	70	3	27	40	0	93,75%
4	Công nghệ chế biến thủy sản	2012/2016	80	69	2	25	42	0	100,00%
5	Công nghệ kỹ thuật hóa học	2012/2016	80	44	0	7	36	1	95,00%
6	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	2012/2016	29	17	0	5	12	0	76,67%
7	Công nghệ sinh học	2012/2016	64	59	20	24	15	0	95,24%
93	Công nghệ thông tin	2012/2016	134	59	0	11	46	2	93,33%
9	Công nghệ thực phẩm	2012/2016	83	74	3	41	30	0	90,48%
10	Giáo dục công dân	2012/2016	98	89	4	52	33	0	72,22%
11	Giáo dục thể chất	2012/2016	78	65	3	24	38	0	97,10%
12	Giáo dục Tiểu học	2012/2016	81	75	11	51	13	0	95,95%
13	Hệ thống thông tin	2012/2016	86	44	2	9	25	8	96,83%
14	Hóa học	2012/2016	157	125	7	49	66	3	95,35%
15	Kế toán	2012/2016	100	80	2	29	47	2	100,00%
16	Khoa học cây trồng	2012/2016	210	166	1	76	87	2	94,44%
17	Khoa học đất	2012/2016	41	26	0	5	21	0	82,14%
18	Khoa học máy tính	2012/2016	88	29	2	6	18	3	87,80%
19	Khoa học môi trường	2012/2016	83	69	2	27	40	0	89,80%
20	Kiểm toán	2012/2016	98	75	1	25	47	2	100,00%
21	Kinh doanh quốc tế	2012/2016	110	95	6	33	53	3	96,05%
22	Kinh doanh thương mại	2012/2016	98	73	2	24	44	3	97,14%
23	Kinh tế	2012/2016	76	61	2	20	37	2	97,92%
24	Kinh tế nông nghiệp	2012/2016	193	161	1	34	113	13	95,45%
25	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	2012/2016	97	75	2	10	39	24	89,58%
26	Kỹ thuật cơ - điện tử	2012/2016	88	32	0	5	25	2	88,64%
27	Kỹ thuật cơ khí	2012/2016	309	140	0	7	118	15	97,60%
28	Kỹ thuật công trình xây dựng	2012/2016	338	170	3	36	125	6	93,62%
29	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	2012/2016	74	29	0	3	17	9	87,04%
30	Kỹ thuật điện, điện tử	2012/2016	115	53	0	5	40	8	96,30%
31	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2012/2016	78	29	0	2	22	5	95,00%
32	Kỹ thuật máy tính	2012/2016	97	22	0	0	15	7	93,33%

33	Kỹ thuật môi trường	2012/2016	79	55	0	12	41	2	92,59%
34	Kỹ thuật phần mềm	2012/2016	91	36	2	7	26	1	88,33%
35	Lâm sinh	2012/2016	0	0	0	0	0	0	100,00%
36	Luật	2012/2016	449	389	0	45	317	27	90,00%
37	Marketing	2012/2016	78	63	1	19	41	2	98,39%
38	Ngôn ngữ Anh	2012/2016	299	253	15	110	127	1	95,89%
39	Ngôn ngữ Pháp	2012/2016	79	54	0	10	37	7	95,65%
40	Nông học	2012/2016	134	84	0	31	52	1	91,23%
41	Nuôi trồng thủy sản	2012/2016	115	86	1	29	55	1	98,91%
42	Phát triển nông thôn	2012/2016	87	56	1	18	37	0	95,65%
43	Quản lý công nghiệp	2012/2016	81	62	1	10	44	7	93,22%
44	Quản lý đất đai	2012/2016	76	59	0	26	33	0	97,92%
45	Quản lý nguồn lợi thủy sản	2012/2016	58	48	4	24	19	1	93,10%
46	Quản lý tài nguyên và môi trường	2012/2016	89	67	3	39	25	0	83,12%
47	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2012/2016	75	66	2	19	44	1	81,82%
48	Quản trị kinh doanh	2012/2016	225	176	5	27	131	13	97,40%
49	Sinh học	2012/2016	111	85	6	27	52	0	95,12%
50	Sư phạm Địa lý	2012/2016	69	63	4	23	35	1	90,77%
51	Sư phạm Hóa học	2012/2016	66	34	1	2	31	0	67,39%
52	Sư phạm Lịch sử	2012/2016	70	61	14	38	9	0	78,18%
53	Sư phạm Ngữ văn	2012/2016	81	80	15	46	19	0	79,10%
54	Sư phạm Sinh học	2012/2016	121	95	2	24	62	7	67,47%
55	Sư phạm Tiếng Anh	2012/2016	97	88	10	60	18	0	91,67%
56	Sư phạm Tiếng Pháp	2012/2016	78	54	1	17	36	0	76,60%
57	Sư phạm Toán học	2012/2016	138	109	19	48	41	1	64,76%
58	Sư phạm Vật lý	2012/2016	216	178	8	88	82	0	78,63%
59	Tài chính - Ngân hàng	2012/2016	194	152	15	55	63	19	92,86%
60	Thông tin học	2012/2016	104	67	1	32	34	0	88,89%
61	Toán ứng dụng	2012/2016	87	56	2	4	43	7	91,94%
62	Truyền thông và mạng máy tính	2012/2016	101	35	0	10	24	1	90,63%
63	Văn học	2012/2016	100	80	6	40	34	0	77,61%
64	Việt Nam học	2012/2016	85	67	1	30	36	0	92,42%
65	Thú y	2011/2016	130	46	6	40	0	0	95,05%
b	***Chương trình tiên tiến***								
1	Công nghệ sinh học	2011/2016	31	29	7	20	2	0	100,00%
2	Nuôi trồng thủy sản	2011/2016	38	30	5	11	14	0	96,67%
c	***Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh***								
d	***Chương trình ĐH thứ hai***								
1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	2012/2016	1	0	0	0	0	0	
2	Công nghệ sinh học	2012/2016	1	0	0	0	0	0	
3	Hệ thống thông tin	2012/2016	4	0	0	0	0	0	
4	Hóa học	2012/2016	2	0	0	0	0	0	
5	Kế toán	2012/2016	18	1	0	0	0	1	
6	Khoa học cây trồng	2012/2016	2	0	0	0	0	0	
7	Kinh doanh quốc tế	2012/2016	4	1	0	0	1	0	
8	Kinh tế nông nghiệp	2012/2016	2	1	0	0	1	0	
9	Kỹ thuật công trình xây dựng	2012/2016	15	1	0	0	1	0	
10	Kỹ thuật điện, điện tử	2012/2016	1	0	0	0	0	0	
11	Kỹ thuật môi trường	2012/2016	1	0	0	0	0	0	

12	Luật	2012/2016	231	15	0	0	3	12	
13	Ngôn ngữ Anh	2012/2016	104	43	0	22	21	0	
14	Nuôi trồng thủy sản	2012/2016	2	0	0	0	0	0	
15	Quản trị kinh doanh	2012/2016	19	1	0	0	1	0	
16	Sư phạm Hóa học	2012/2016	2	0	0	0	0	0	
17	Sư phạm Lịch sử	2012/2016	1	0	0	0	0	0	
18	Sư phạm Sinh học	2012/2016	2	0	0	0	0	0	
19	Sư phạm Tiếng Anh	2012/2016	15	4	0	4	0	0	
20	Sư phạm Toán học	2012/2016	2	0	0	0	0	0	
21	Tài chính - Ngân hàng	2012/2016	24	1	0	0	1	0	
e	**Chương trình liên thông**								
1	Công nghệ chế biến thủy sản	2014/2016	2	0	0	0	0	0	
2	Công nghệ kỹ thuật hóa học	2014/2016	1	0	0	0	0	0	
3	Công nghệ thông tin	2014/2016	4	0	0	0	0	0	
4	Công nghệ thực phẩm	2014/2016	1	0	0	0	0	0	
5	Hệ thống thông tin	2014/2016	2	0	0	0	0	0	
6	Kế toán	2014/2016	27	5	1	4	0	0	
7	Kiểm toán	2014/2016	3	0	0	0	0	0	
8	Kinh tế	2014/2016	1	0	0	0	0	0	
9	Kỹ thuật công trình xây dựng	2014/2016	14	3	0	3	0	0	
10	Kỹ thuật điện, điện tử	2014/2016	2	0	0	0	0	0	
11	Marketing	2014/2016	2	0	0	0	0	0	
12	Ngôn ngữ Anh	2014/2016	14	0	0	0	0	0	
13	Quản lý tài nguyên và môi trường	2014/2016	1	0	0	0	0	0	
14	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2014/2016	1	0	0	0	0	0	
15	Sư phạm Tiếng Anh	2014/2016	4	0	0	0	0	0	
16	Sư phạm Toán học	2014/2016	1	0	0	0	0	0	
17	Sư phạm Vậy lý	2014/2016	1	0	0	0	0	0	
18	Tài chính - Ngân hàng	2014/2016	55	24	4	19	1	0	
19	Truyền thông và mạng máy tính	2014/2016	1	0	0	0	0	0	
20	Việt Nam học	2014/2016	1	0	0	0	0	0	
	Tổng cộng		**8005**	**5351**	**252**	**1814**	**3052**	**233**	
II	**SAU ĐẠI HỌC**								
a	***Thạc sĩ***								
TT	**Nội dung**	**Khóa học 22 (2015)/ Năm tốt nghiệp 2017**	**Số học viên nhập học Khóa 24 (2017) so với chỉ tiêu là 1.259**	**Số sinh viên K22 tốt nghiệp 2017**	**Phân loại tốt nghiệp (%)**				**Tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường**
					Xuất sắc	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	
1	Bảo vệ thực vật	12	19	4	50%	50%	0%		
2	Chăn nuôi	13	4	5	80%	20%	0%		
3	Chăn nuôi (Mekarn)	18		18	0%	78%	22%		
4	Công nghệ sau thu hoạch		2						
5	Công nghệ sinh học	56	28	31	10%	90%	0%		
6	Công nghệ thực phẩm	35	13						

7	Công nghệ thực phẩm (tiếng Anh)		12						
8	Di truyền và chọn giống cây trồng		6						
9	Hệ thống nông nghiệp		3						
10	Hệ thống thông tin	33	14	1	0%	0%	100%		
11	Hóa hữu cơ	16	14						
12	Hóa lý thuyết và hóa lý	20	16	3	33%	67%	0%		
13	Khoa học cây trồng	28	25	5	20%	80%	0%		
14	Khoa học đất	6	9						
15	Khoa học máy tính	9	7	1	100%	0%	0%		
16	Khoa học môi trường	21	6	3	33%	67%	0%		
17	Kinh tế học	12	45						
18	Kinh tế nông nghiệp	27	25						
19	Kỹ thuật điện		31						
20	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	30	12	7	43%	57%	0%		
21	Kỹ thuật hóa học	13	8	2	100%	0%	0%		
22	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy		37						
23	Luật kinh tế	73	42	18	0%	6%	94%		
24	Lý luận và PPDH BM tiếng Anh	66	80	56	39%	61%	0%		
25	Lý luận và PPDH BM tiếng Pháp		5						
26	Lý luận và PPDH BM Toán	36	21	31	71%	29%	0%		
27	Lý luận và PPDH BM Văn và tiếng Việt	32	22	23	9%	70%	22%		
28	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	15	10	7	57%	43%	0%		
29	Nuôi trồng thủy sản	51	30	22	0%	73%	27%		
30	Nuôi trồng thủy sản (tiếng Anh)		9						
31	Phát triển nông thôn	17	7	15	7%	87%	7%		
32	Quản lý đất đai	37	16	22	36%	64%	0%		
33	Quản lý kinh tế		18						
34	Quản lý nguồn lợi thủy sản		3						
35	Quản lý tài nguyên và môi trường	27	15	16	25%	75%	0%		
36	Quản trị kinh doanh	112	42	7	14%	57%	29%		
37	Sinh thái học	21	14	4	50%	50%	0%		
38	Tài chính - Ngân hàng	111	41	1	0%	100%	0%		
39	Thú y	7	9						
40	Toán giải tích	14	4						
41	Văn học Việt Nam	27	22	13	0%	92%	8%		
42	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	47	16	30	13%	47%	40%		
	Tổng cộng	**1042**	**762**	**345**					
b	***Tiến sĩ***								
TT	**Nội dung**	**Số NCS đầu vào (Khoá 2013) dự kiến tốt nghiệp vào năm 2017**	**Số NCS nhập học năm 2017**	**Số NCS tốt nghiệp năm 2017 (của các khoá trước 2013)**	**Phân loại tốt nghiệp %**				**Tỷ lệ NCS tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường**
					Xuất sắc	**Giỏi**	**Khá**		

1	Vi sinh vật học	0	1	3					1
2	Công nghệ sinh học	0	6	0					2
3	Môi trường đất và nước	0	4	5					3
4	Quản trị kinh doanh	0	1	0					14
5	Khoa học đất	0	0	0					4
6	Chăn nuôi	0	1	2					7
7	Khoa học cây trồng	0	2	2					5
8	Bảo vệ thực vật	0	0	2					6
9	Kinh tế nông nghiệp	0	6	3					13
10	Nuôi trồng thuỷ sản	0	5	7					9
11	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	0	1	0					8
12	Công nghệ thực phẩm	0	0	0					10
13	Phát triển nông thôn	0	1	0					12
14	Quản lý đất đai	0	1	0					11
15	Tài chính - Ngân hàng	0	2	0					15
16	Hệ thống thông tin	0	4	0					16
	Tổng cộng	**0**	**35**	**24**					

Cần Thơ, ngày 18 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hiếu

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Hà Thanh Toàn